

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số xã Ba Vì năm 2026

Căn cứ Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2026, Ủy ban nhân dân xã Ba Vì ban hành Kế hoạch chuyển đổi số xã Ba Vì năm 2026, với các nội dung sau:

Phần I

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2025

Trong năm 2025, UBND xã Ba Vì đã chủ động triển khai và cơ bản hoàn thành các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo chỉ đạo của cấp trên. Kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo, kế hoạch tổ chức thực hiện, từng bước đưa chuyển đổi số vào hoạt động quản lý và phục vụ người dân.

Hạ tầng số trên địa bàn xã tiếp tục được củng cố; 100% cơ quan, bộ phận chuyên môn của xã được kết nối Internet, đáp ứng yêu cầu trao đổi, xử lý công việc trên môi trường mạng; các thôn đều có phủ sóng di động 3G, 4G tạo điều kiện cho người dân tiếp cận dịch vụ số.

Công tác phát triển nguồn nhân lực số được quan tâm thông qua tuyên truyền, hướng dẫn người dân tham gia các lớp tập huấn, phổ cập kỹ năng số cơ bản, góp phần nâng cao nhận thức và khả năng tiếp cận công nghệ thông tin trong cộng đồng.

Trong xây dựng chính quyền số, xã duy trì hiệu quả việc sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành, tỷ lệ văn bản trao đổi dưới dạng điện tử ngày càng tăng; việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính từng bước được thực hiện trên môi trường điện tử, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng phục vụ người dân.

Công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin được chú trọng; cán bộ, công chức xã được quán triệt thực hiện các quy định về bảo mật, an toàn thông tin trong quá trình khai thác, sử dụng hệ thống thông tin.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc triển khai khoa học, công nghệ và chuyển đổi số ở cấp xã vẫn còn một số hạn chế như: Hạ tầng và nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số còn hạn chế; thiếu cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin. Một bộ phận cán bộ, công chức kỹ năng số còn chưa đồng đều, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý công việc có lúc, có nơi chưa hiệu quả, chưa khai thác hết các nền tảng số. Kỹ năng số của một bộ phận người dân còn thấp, khả năng tiếp cận và sử dụng các dịch vụ công trực tuyến chưa đồng đều; tỷ lệ sử dụng chữ ký số cá nhân còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu trong triển khai chính quyền số.

(Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo)

Phần II

NỘI DUNG KẾ HOẠCH NĂM 2026

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;
- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/ 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030";
- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược an toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;
- Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của chính phủ, thủ tướng chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số;
- Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 16/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng đề án chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương;
- Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 06/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XX về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 20/02/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về Triển khai thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 06/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XX về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Các văn bản của UBND tỉnh: Số 119/KH-UBND ngày 09/10/2020 thực hiện Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; số 169/KH-UBND ngày 09/12/2021 về Phát triển Chính quyền điện tử hướng đến Chính

quyền số tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; số 906/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 về Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025; số 327/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 27/09/2025 triển khai Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu, giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2030.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Tập trung nguồn lực để tăng tốc chuyển đổi số toàn diện xã Ba Vì; hình thành dữ liệu thống nhất, vận hành thông minh; nâng cao năng suất, cải thiện chất lượng dịch vụ công; thúc đẩy kinh tế số, xã hội số; triển khai đầy đủ các yêu cầu cơ bản về đảm bảo an toàn thông tin theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, của tỉnh.

- Nâng cao năng lực thể chế hóa chính sách, nhiệm vụ, lãnh đạo chỉ đạo triển khai nhiệm vụ về chuyển đổi số. Kiện toàn, phát triển nhân lực chuyển đổi số trong khu vực cơ quan hành chính nhà nước; phát triển Mạng lưới chuyển đổi số, nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng xã, thôn (Tổ CNSCĐ).

2. Mục tiêu cụ thể: Phân đầu đến hết năm 2026 hoàn thành các chỉ tiêu tại Phụ lục 2 kèm theo.

III. NHIỆM VỤ

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

- Phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các bộ phận chuyên môn, đơn vị thuộc UBND xã trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số; bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ trong quá trình triển khai.

- Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và tổ chức triển khai Đề án 06 trên địa bàn xã ban hành và thực hiện Kế hoạch hoạt động năm 2026, bảo đảm phân công rõ nhiệm vụ, rõ tiến độ, rõ trách nhiệm.

- Tăng cường khai thác, ứng dụng dữ liệu số và các hệ thống thông tin dùng chung trong công tác chỉ đạo, điều hành của UBND xã; nâng cao chất lượng công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, bảo đảm thực hiện nghiêm túc các yêu cầu theo tinh thần Kết luận số 226-KL/TW ngày 11/12/2025 của Ban Bí thư.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình triển khai chuyển đổi số tại các bộ phận chuyên môn, Trung tâm Phục vụ hành chính công xã và hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách và kỹ năng về chuyển đổi số thông qua các hội nghị, tập huấn, sinh hoạt của các tổ chức đoàn thể và hệ thống truyền thanh cơ sở; chủ động phát hiện, tổng hợp và nhân rộng các mô hình, cách làm hiệu quả về ứng dụng công nghệ số trên địa bàn xã. Đồng thời, chủ động nghiên cứu, thí điểm áp dụng các sáng kiến, mô hình mới, giải pháp ứng dụng công nghệ số phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng phục vụ nhân dân.

2. Thể chế, chính sách số

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành kịp thời các văn bản chỉ đạo, điều hành thuộc thẩm quyền của UBND xã nhằm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động quản lý nhà nước và phục vụ Nhân dân.

- Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các quy chế, quy định nội bộ về quản lý, khai thác, vận hành và bảo đảm an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin, phần mềm, nền tảng số và dữ liệu đang sử dụng tại UBND xã; tạo điều kiện thuận lợi cho việc kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống dùng chung của tỉnh.

3. Hạ tầng số

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn của tỉnh và doanh nghiệp viễn thông trong việc rà soát, phản ánh các khu vực còn khó khăn về chất lượng sóng di động, internet băng rộng trên địa bàn; tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp triển khai hạ tầng viễn thông, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ người dân.

- Khai thác, sử dụng hiệu quả các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và nền tảng số dùng chung của tỉnh; từng bước chuẩn hóa, cập nhật dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của xã, bảo đảm phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và giải quyết thủ tục hành chính.

- Tiếp tục rà soát, đề xuất trang bị, nâng cấp trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của UBND xã và Trung tâm Phục vụ hành chính công; bảo đảm điều kiện kỹ thuật để cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ trên môi trường số.

- Từng bước nghiên cứu, ứng dụng các công cụ hỗ trợ thông minh, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, nhằm nâng cao hiệu quả xử lý công việc và chất lượng phục vụ người dân.

4. Nhân lực số

- Tiếp tục cử cán bộ, công chức tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số, kỹ năng sử dụng các hệ thống thông tin dùng chung, dịch vụ công trực tuyến và bảo đảm an toàn thông tin do cấp trên tổ chức; đồng thời tăng cường tự học, tự bồi dưỡng kỹ năng số trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

- Từng bước nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong tham mưu, xử lý công việc, khai thác dữ liệu phục vụ công tác quản lý, điều hành của UBND xã.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách về chuyển

đổi số, Chính phủ số, dịch vụ công trực tuyến và các nền tảng số thiết yếu đến người dân, hộ kinh doanh trên địa bàn.

- Phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng trong việc hướng dẫn người dân cài đặt, sử dụng các ứng dụng số cơ bản; hỗ trợ người dân tiếp cận dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt và các tiện ích số trong đời sống hằng ngày, nhất là đối với người cao tuổi và người ít có điều kiện tiếp cận công nghệ.

5. Phát triển dữ liệu số

- Phối hợp triển khai các nhiệm vụ, giải pháp phát triển dữ liệu số theo Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 04/4/2025 của UBND tỉnh về thực hiện Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 54/KH-UBND ngày 06/10/2025 của UBND tỉnh triển khai Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện.

- Thực hiện cập nhật, số hóa, chuẩn hóa và khai thác hiệu quả dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của UBND xã; bảo đảm dữ liệu “đúng – đủ – sạch – sống”, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp.

- Khai thác, sử dụng hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh, đặc biệt là Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo Đề án 06, phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, giảm giấy tờ cho người dân.

- Phối hợp thực hiện các yêu cầu về kết nối, chia sẻ dữ liệu theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn cấp trên, bảo đảm tuân thủ các quy định về quản lý, khai thác và bảo vệ dữ liệu.

6. An toàn thông tin mạng

- Phối hợp triển khai kịp thời các khuyến cáo, cảnh báo về an toàn, an ninh mạng của Bộ Công an, Công an tỉnh và các cơ quan chuyên môn; lồng ghép nội dung tuyên truyền, hướng dẫn kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin trong hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng, góp phần nâng cao ý thức phòng ngừa rủi ro trên không gian mạng cho người dân.

- Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho cán bộ, công chức xã trong quá trình sử dụng thư điện tử công vụ, hệ thống quản lý văn bản và các nền tảng số dùng chung; khuyến khích người dân chủ động bảo vệ thông tin cá nhân khi tham gia môi trường mạng.

7. Chính quyền số

a) Cung cấp dịch vụ công trực tuyến

- Tiếp tục rà soát, đề xuất đơn giản hóa thành phần hồ sơ, quy trình giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền cấp xã; thực hiện tái cấu trúc quy trình trên cơ sở số hóa hồ sơ, tái sử dụng dữ liệu đã có.

- Tổ chức triển khai hiệu quả việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, bảo đảm thuận lợi cho người dân, tổ chức.

- Ban hành các văn bản chỉ đạo, đơn đốc cán bộ, công chức tăng cường tiếp nhận, xử lý hồ sơ trực tuyến; gắn kết quả thực hiện dịch vụ công trực tuyến với đánh giá chất lượng thực thi nhiệm vụ.

- Cử cán bộ, công chức tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng tiếp nhận, xử lý hồ sơ trực tuyến, số hóa hồ sơ và sử dụng các chức năng của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến và nộp hồ sơ trực tuyến bằng nhiều hình thức phù hợp với điều kiện địa phương.

- Phối hợp triển khai việc định danh và xác thực điện tử thông qua tài khoản VNeID trong giải quyết thủ tục hành chính, góp phần giảm giấy tờ, giảm thời gian đi lại cho người dân.

b) Quản trị, điều hành thông qua sử dụng các nền tảng số, dữ liệu số.

- Tiếp tục sử dụng hiệu quả hệ thống quản lý văn bản và điều hành, thư điện tử công vụ và các nền tảng số dùng chung của tỉnh trong công tác chỉ đạo, điều hành và xử lý công việc hằng ngày.

- Khai thác, sử dụng dữ liệu từ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung phục vụ công tác tổng hợp, báo cáo, tham mưu và hỗ trợ ra quyết định của lãnh đạo UBND xã.

- Phối hợp triển khai, sử dụng các nền tảng số dùng chung theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn cấp trên, bảo đảm không đầu tư trùng lặp, chồng chéo, lãng phí, phù hợp với Văn bản số 1876/BKHCN-CĐSQG ngày 28/5/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn xác định hạ tầng số, phần mềm, ứng dụng dùng chung (*cấp trung ương, tỉnh, xã*) và Văn bản số 4577/BKHCN-CĐSQG ngày 11/9/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn triển khai các nền tảng số dùng chung toàn quốc.

Từng bước nghiên cứu, áp dụng các công cụ hỗ trợ thông minh trong xử lý công việc, phù hợp với hướng dẫn tại Công văn số 557/BKHCN-CĐSQG ngày 31/3/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sử dụng các công cụ AI hỗ trợ công việc trong cơ quan nhà nước.

8. Kinh tế số và xã hội số

- Tăng cường tuyên truyền, khuyến khích và hỗ trợ người dân, hộ sản xuất, kinh doanh trên địa bàn xã ứng dụng công nghệ số trong quảng bá sản phẩm, tiêu thụ hàng hóa, thanh toán không dùng tiền mặt và tiếp cận các nền tảng thương mại điện tử, góp phần từng bước đổi mới phương thức sản xuất, kinh doanh và phát triển kinh tế địa phương.

- Phối hợp với các cơ sở giáo dục, y tế trên địa bàn đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, thanh toán không dùng tiền mặt và sử dụng các nền tảng số theo hướng dẫn của cơ quan chuyên ngành cấp trên.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động người dân sử dụng điện thoại thông minh, internet băng rộng, tài khoản thanh toán điện tử, tài khoản dịch vụ công trực tuyến và định danh điện tử VNeID; từng bước nâng cao tỷ lệ người dân tham gia môi trường số.

- Tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại các thôn; tập trung hướng dẫn người dân các kỹ năng số cơ bản như sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, mua sắm trực tuyến và kỹ năng bảo đảm an toàn trên không gian mạng.

- Tăng cường phổ biến, hướng dẫn người dân tiếp cận các nền tảng học trực tuyến mở và các dịch vụ số trong lĩnh vực y tế, giáo dục, thương mại; góp phần hình thành thói quen học tập, giao dịch và sử dụng dịch vụ trên môi trường số.

9. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông và các giải pháp khác đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin

Đẩy mạnh tuyên truyền về chuyển đổi số bằng các hình thức phù hợp tại địa phương; tổ chức hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia gắn với tuyên truyền dịch vụ công trực tuyến, định danh điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt và kỹ năng an toàn trên không gian mạng; phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng trong hướng dẫn người dân nâng cao kỹ năng số và tự bảo vệ mình trên môi trường mạng, khuyến khích người dân chủ động phòng ngừa rủi ro, bảo vệ thông tin cá nhân trên không gian mạng.

IV. GIẢI PHÁP

1. Phát huy, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành chuyển đổi số

- Tổ chức triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số theo Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06 cấp tỉnh và cấp xã; phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ.

- Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số tại các bộ phận chuyên môn; gắn kết quả thực hiện chuyển đổi số với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, công chức và người đứng đầu theo quy định.

2. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, bồi dưỡng kỹ năng số cho CBCC, người dân, doanh nghiệp

Tăng cường tuyên truyền, phổ biến về chuyển đổi số bằng nhiều hình thức phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; lồng ghép nội dung nâng cao nhận thức, bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức trong các hoạt động chuyên môn và sinh hoạt cơ quan. Phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng trong việc hướng dẫn người dân tiếp cận, sử dụng các dịch vụ số thiết yếu, góp phần nâng cao kỹ năng số trong cộng đồng.

3. Phát triển, thu hút nguồn nhân lực chuyển đổi số

Quan tâm bố trí cán bộ, công chức kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ về chuyển

đổi số phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; tạo điều kiện cho cán bộ, công chức tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn nâng cao kỹ năng số, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực thi công vụ. Kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có sáng kiến, cách làm hiệu quả trong triển khai chuyển đổi số; đồng thời đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu khi cần thiết.

4. Đảm bảo nguồn lực tài chính

- Căn cứ khả năng cân đối ngân sách và hướng dẫn của cấp trên, bố trí kinh phí cho hoạt động chuyển đổi số trong dự toán ngân sách hằng năm của xã, phân đầu bảo đảm tỷ lệ theo định hướng tại Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của UBND tỉnh.

- Bố trí, sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước và lồng ghép hiệu quả các nguồn kinh phí hợp pháp khác để triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số tại địa phương; ưu tiên trang bị, duy trì hoạt động các hệ thống, thiết bị công nghệ thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và giải quyết thủ tục hành chính; quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả theo quy định.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan, đơn vị có liên quan

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các cơ quan, đơn vị phối hợp triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ chuyển đổi số theo Kế hoạch này, bảo đảm đồng bộ, hiệu quả và đúng tiến độ.

- Tập trung đẩy mạnh xây dựng Chính quyền số gắn với cải cách thủ tục hành chính; nâng cao hiệu quả cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến; khai thác, sử dụng hiệu quả các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin dùng chung do cấp trên triển khai; phối hợp thực hiện hiệu quả Đề án 06 về phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia.

- Trong phạm vi ngành, lĩnh vực phụ trách, tăng cường ứng dụng công nghệ số, đẩy mạnh số hóa thông tin, dữ liệu chuyên ngành; đồng thời phối hợp tuyên truyền, nâng cao kỹ năng số cho người dân, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số trên địa bàn xã.

2. Phòng Văn hoá - Xã hội

- Tham mưu UBND xã theo dõi, đôn đốc triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số, phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, cải cách hành chính và Đề án 06 theo chỉ đạo của cấp trên và hướng dẫn của cơ quan chuyên môn của Sở Khoa học và Công nghệ.

- Theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch này; phối hợp kiểm tra, hướng dẫn các bộ phận, đơn vị liên quan trong quá trình thực hiện; định kỳ tham mưu UBND xã báo cáo kết quả theo quy định.

- Tham mưu hoạt động của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06 của xã; hướng dẫn,

hỗ trợ hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng trên địa bàn.

- Phối hợp với Văn phòng HĐND&UBND xã tham mưu tổ chức tuyên truyền, tập huấn nâng cao nhận thức, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, người lao động và Nhân dân.

- Phối hợp lồng ghép việc triển khai Kế hoạch này với các nhiệm vụ cải cách hành chính, tuyên truyền, thông tin cơ sở và phong trào thi đua tại địa phương.

- Phối hợp Trạm Y tế xã và các đơn vị liên quan tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng các nền tảng số trong lĩnh vực y tế theo chỉ đạo của ngành y tế cấp trên như: sử dụng Sổ sức khỏe điện tử, tích hợp thẻ bảo hiểm y tế và giấy tờ liên quan trên ứng dụng VNeID.

- Phối hợp các cơ sở giáo dục trên địa bàn tuyên truyền, hỗ trợ triển khai các nền tảng số, hồ sơ điện tử và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, dạy và học theo hướng dẫn của ngành giáo dục.

3. Văn phòng HĐND và UBND xã

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Văn hóa – Xã hội hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã thực hiện chuẩn hóa, rà soát, tái cấu trúc quy trình xử lý công việc và cải cách chế độ báo cáo trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước tại địa phương.

- Phối hợp triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc phạm vi cấp xã theo Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 27/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu, giai đoạn 2024–2025, định hướng đến năm 2030, theo phân công và hướng dẫn của cơ quan chuyên môn cấp trên.

- Tiếp tục phối hợp triển khai thực hiện số hóa, quản lý, khai thác dữ liệu hộ tịch; cập nhật dữ liệu hộ tịch điện tử và đăng ký hộ tịch trực tuyến trên địa bàn xã theo chỉ đạo của cấp trên.

- Phối hợp xây dựng và triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong phạm vi quản lý; quản lý, vận hành Trang thông tin điện tử của xã theo quy định.

- Phối hợp với Phòng Văn hóa – Xã hội theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

4. Phòng Kinh tế

- Phối hợp với Phòng Văn hóa – Xã hội, Trung tâm Cung ứng dịch vụ công và các đơn vị liên quan tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ hộ sản xuất, kinh doanh, hợp tác xã trên địa bàn tiếp cận, tham gia các nền tảng thương mại điện tử; từng bước thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm đặc trưng của địa phương trên môi trường số.

- Chủ trì tham mưu đề xuất nhu cầu kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong lĩnh vực kinh tế gửi Văn phòng HĐND và UBND xã tổng hợp, trình UBND xã xem xét theo quy định.

5. Trung tâm phục vụ Hành chính công

Chủ trì tổ chức tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân trên môi trường điện tử; triển khai số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định, bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ giải quyết thủ tục hành chính. Đồng thời, phối hợp thực hiện các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số phục vụ công tác tổng hợp, báo cáo và cung cấp thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo UBND xã.

6. Công an xã

- Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Đề án 06 trên địa bàn xã theo chỉ đạo của Bộ Công an và Công an cấp trên; phối hợp hướng dẫn người dân đăng ký, kích hoạt và sử dụng tài khoản định danh điện tử (VNeID) phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và các dịch vụ số thiết yếu.

- Phối hợp thực hiện công tác làm sạch, cập nhật, bổ sung dữ liệu dân cư, bảo đảm thông tin công dân luôn “đúng, đủ, sạch, sống”, phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và chuyển đổi số tại địa phương.

- Phối hợp triển khai các nhiệm vụ liên quan đến tạo lập, kết nối, khai thác dữ liệu phục vụ chuyển đổi số theo các kế hoạch, văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, Công an tỉnh và cơ quan có thẩm quyền, phù hợp chức năng, nhiệm vụ của lực lượng Công an xã.

- Phối hợp tuyên truyền, hướng dẫn người dân bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân, phòng tránh lừa đảo trên không gian mạng; lồng ghép nội dung tuyên truyền trong quá trình thực hiện Đề án 06 và các hoạt động tại địa phương.

- Phối hợp với các bộ phận chuyên môn của UBND xã, Trung tâm Phục vụ hành chính công xã trong việc xác thực thông tin công dân, khai thác dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

7. Trung tâm Cung ứng Dịch vụ công xã

- Tổ chức tuyên truyền nội dung Kế hoạch chuyển đổi số của xã và các chủ trương, nhiệm vụ về chuyển đổi số trên địa bàn bằng các hình thức phù hợp với hệ thống truyền thông cơ sở.

- Phối hợp với Phòng Văn hoá – Xã hội và Trung tâm Phục vụ Hành chính công xây dựng nội dung tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng kỹ năng số cơ bản, dịch vụ công trực tuyến và các nền tảng số thiết yếu.

- Rà soát, đề xuất nâng cấp, hoàn thiện hệ thống truyền thanh cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông, phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền nhiệm vụ chính trị và chuyển đổi số tại địa phương.

8. Cán bộ, Công chức, viên chức và người lao động thuộc UBND xã

- Chủ động học tập, nâng cao nhận thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tích cực tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số do cấp trên và địa phương tổ chức.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, các phần mềm, nền tảng số trong xử lý công việc chuyên môn; thực hiện nghiêm việc trao đổi, xử lý văn bản trên môi trường điện tử, góp phần nâng cao hiệu quả công tác và thúc đẩy chuyển đổi số trong hoạt động của UBND xã.

9. Đề nghị Ủy ban MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội; Các cơ quan, đơn vị; Trường học; Trạm Y tế; Tổ Công nghệ số cộng đồng xã, thôn; Trưởng thôn 14 thôn

- Phối hợp tuyên truyền, quán triệt nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia cùng các văn bản chỉ đạo có liên quan của cấp trên đến cán bộ, đoàn viên, hội viên và Nhân dân trên địa bàn.

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị, phối hợp triển khai các nội dung liên quan trong Kế hoạch chuyển đổi số của xã; vận động Nhân dân tích cực tham gia sử dụng dịch vụ công trực tuyến, các nền tảng số thiết yếu và nâng cao kỹ năng số trong cộng đồng.

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số xã Ba Vì năm 2026. Ủy ban nhân dân xã yêu cầu các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở KH&CN (b/cáo);
- TT Đảng ủy, HĐND xã (b/cáo);
- CT, PCT UBND xã;
- Ủy ban MTTQVN và các Tổ chức CTXH xã;
- Văn phòng Đảng ủy xã;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị SNCL thuộc xã;
- Công an xã;
- Các thôn;
- Lưu: VT, VHXH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Thành Minh Thuận



Phụ lục 1

Đánh giá kết quả thực hiện năm 2025

(Kèm theo Kế hoạch số 48 /KH-UBND ngày 11 /3/2026 của UBND Xã Ba Vì)

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn xã Ba Vì

a) Kết quả đạt được:

- Năm 2025, UBND xã Ba Vì đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo các văn bản chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh, như Kế hoạch hành động số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của UBND tỉnh và các văn bản hướng dẫn của cơ quan chuyên môn cấp trên. Công tác quán triệt, tuyên truyền được triển khai đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân trên địa bàn, góp phần nâng cao nhận thức và trách nhiệm trong thực hiện chuyển đổi số.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo về chuyển đổi số từng bước được lồng ghép trong hoạt động quản lý, điều hành của UBND xã; các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số được gắn với cải cách hành chính, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân.

- Công tác ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số tại xã hiện do công chức các bộ phận chuyên môn kiêm nhiệm theo dõi, tham mưu thực hiện theo lĩnh vực phụ trách

- Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số được quan tâm thực hiện thông qua hệ thống truyền thanh cơ sở, các cuộc họp thôn và sinh hoạt của các hội, đoàn thể. Hưởng ứng phong trào “Bình dân học vụ số”, xã đã lồng ghép hướng dẫn kỹ năng số cơ bản cho người dân thông qua hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng; hỗ trợ người dân tiếp cận, cài đặt và sử dụng các nền tảng số thiết yếu như VNeID, dịch vụ công trực tuyến và thanh toán không dùng tiền mặt.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin và trang thiết bị phục vụ chuyển đổi số trên địa bàn xã còn từng bước được hoàn thiện; việc bố trí nhân lực theo dõi, hỗ trợ kỹ thuật cho các hệ thống, nền tảng số chủ yếu theo hình thức kiêm nhiệm nên hiệu quả vận hành, khai thác đôi lúc còn hạn chế.

2. Về công tác hoàn thiện thể chế số

2.1. Công tác xây dựng, ban hành các chương trình/đề án/kế hoạch thúc đẩy chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

- Đã ban hành Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 07/10/2025 kế hoạch chuyển đổi số năm 2025, trong đó xác định các nhiệm vụ trọng tâm, phân công trách nhiệm cho các bộ phận chuyên môn trong tổ chức thực hiện. Nội dung kế hoạch bám sát định hướng chuyển đổi số của tỉnh Quảng Ngãi và hướng dẫn của cơ quan chuyên môn cấp trên; đồng thời lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số vào Kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội và chương trình công tác năm của UBND xã, bảo đảm tính đồng bộ trong quá trình triển khai.

- Ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai các nội dung về chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan hành chính, đặc biệt là trong giải quyết thủ tục hành chính, quản lý văn bản điện tử, công tác lưu trữ và khai thác, sử dụng các nền tảng số của cấp trên triển khai.

- Ban hành văn bản triển khai, hướng dẫn thực hiện tại địa phương trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của cấp trên nhằm hỗ trợ người dân, hộ kinh doanh tiếp cận, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử và các nền tảng số phục vụ sản xuất, đời sống.

- Phối hợp rà soát, cập và khai thác thông tin trên các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung theo phân cấp quản lý như hộ tịch, hộ khẩu, và dữ liệu cán bộ, công chức trên phần mềm quản lý để phục vụ kết nối, chia sẻ, đồng bộ với hệ thống cơ sở dữ liệu của tỉnh.

b) Tồn tại, hạn chế:

Tiến độ triển khai một số nội dung chuyển đổi số còn chậm; việc tham mưu, tổ chức thực hiện chủ yếu do công chức kiêm nhiệm nên trong một số thời điểm còn gặp khó khăn về thời gian và kỹ năng chuyên sâu.

2.2. Công tác tổ chức triển khai thực hiện

a) Kết quả đạt được:

- Thành lập Tổ Công nghệ số cộng đồng cấp xã và tại 14 thôn với sự tham gia của các tổ chức đoàn thể và lực lượng đoàn viên, hội viên tại cơ sở; bước đầu duy trì hoạt động và triển khai tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, cài đặt và sử dụng các ứng dụng số thiết yếu như định danh điện tử (VNeID), thanh toán không dùng tiền mặt và các nền tảng số phục vụ đời sống; đồng thời hỗ trợ chính quyền địa phương trong công tác truyền thông, phổ biến kỹ năng số trong cộng đồng.

- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn cán bộ, công chức, viên chức về kỹ năng sử dụng phần mềm quản lý văn bản, chữ ký số, hệ thống thư điện tử công vụ và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

- 100% CBCC được cung cấp tài khoản, được kết nối, sử dụng Hệ thống Office phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

- 100% Lãnh đạo, cán bộ, công chức, tạo lập, trao đổi, xử lý, ký số văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường điện tử, sử dụng Thư điện tử công vụ.

- 100% Lãnh đạo, cán bộ, công chức xã được cấp và sử dụng chứng thư số chuyên dùng do cơ quan có thẩm quyền cấp để thực hiện ký số văn bản điện tử theo quy định.

- 100% các thủ tục hành chính được tiếp nhận, xử lý trên hệ thống một cửa điện tử; thực hiện vượt chỉ tiêu tiếp nhận, xử lý hồ sơ trực tuyến mức toàn trình và một phần theo chỉ tiêu giao hàng năm của UBND tỉnh.

- 100% văn bản được xử lý trên môi trường điện tử (trừ văn bản mật); 100% văn bản phát hành được ký số theo quy định.

- Khai thác hiệu quả các hệ thống thông tin dùng chung do các Bộ, ngành triển khai, như: Phần mềm Hộ tịch, Lý lịch tư pháp, Cổng dịch vụ công quốc gia, phần mềm Quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo; Phần mềm Quản lý thông tin báo chí; Phần mềm quản lý tài sản, phần mềm quản lý nhân sự...

b) Tồn tại, hạn chế:

Tổ Công nghệ số cộng đồng một số thôn hoạt động còn mang tính hình thức, chưa duy trì thường xuyên; kỹ năng công nghệ thông tin của thành viên tổ chưa đồng đều, dẫn đến hiệu quả hỗ trợ người dân trong sử dụng dịch vụ công trực tuyến và các nền tảng số còn hạn chế.

3. Hạ tầng số

a) Hạ tầng số:

- UBND xã phối hợp với đơn vị viễn thông đẩy nhanh tiến độ phủ mạng cáp quang, mạng di động băng rộng đến tất cả các thôn, khu vực dân sinh, đảm bảo cán bộ, công chức xã có máy tính sử dụng, kết nối mạng LAN, mạng Internet.

- Hệ thống hội nghị trực tuyến của xã vận hành ổn định, hiệu quả, thiết bị hiện đại với 1 phòng hội nghị đáp ứng tốt các điều kiện để tham gia các hội nghị trực tuyến đảm bảo liên thông từ trung ương cho tới cơ sở.

- Tiếp tục duy trì và sử dụng có hiệu quả hệ thống Đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông; Trang thông tin điện tử xã.

- Về hiện trạng hạ tầng, trang thiết bị tại Trung tâm Phục vụ hành chính công đáp ứng yêu cầu tỉnh giao: 100% cán bộ, công chức tại trung tâm được trang bị máy tính cấu hình cao; Với 05 máy tính, 04 máy in, 02 máy scan, 01 máy lấy số tự động, có hệ thống tường lửa đáp ứng yêu cầu.

- Tại công sở xã 100% máy tính đều được kết nối hệ thống mạng Internet băng thông rộng, UBND xã đã triển khai lắp đặt hệ thống mạng LAN, mạng truyền số liệu

chuyên dùng, được nâng cấp, bảo trì thường xuyên, việc truy cập Internet luôn được thông suốt.

- 100% các hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước trên địa bàn xã thực hiện chuyển đổi sang IPv6; người dùng có thể truy cập song song địa chỉ IPv4 và IPv6 trên môi trường mạng.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Chất lượng hạ tầng viễn thông chưa đồng đều giữa các thôn: Một số khu vực xa trung tâm vẫn còn tình trạng tín hiệu mạng yếu, tốc độ truy cập Internet thấp; chưa phủ sóng ổn định mạng di động băng rộng, ảnh hưởng đến việc truy cập dịch vụ công trực tuyến và ứng dụng chuyển đổi số trong đời sống.

- Trang thiết bị công nghệ thông tin chưa được đồng bộ, thiếu thiết bị chuyên dụng: Một số máy tính của phòng chuyên môn đã qua nhiều năm sử dụng, cấu hình thấp; thiết bị bảo mật, lưu trữ dữ liệu (ổ cứng, phần mềm diệt virus bản quyền...) còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thông tin trong môi trường mạng.

- Công tác duy tu, bảo trì và nguồn lực vận hành còn hạn chế: Kinh phí bảo dưỡng, nâng cấp hệ thống hạ tầng số chưa đủ đáp ứng nhu cầu; nhân lực kỹ thuật chuyên trách về công nghệ thông tin tại xã còn thiếu, chủ yếu kiêm nhiệm, dẫn đến việc xử lý sự cố kỹ thuật hoặc cập nhật hệ thống còn chậm.

4. Về công tác bồi dưỡng, phát triển nhân lực

a) Kết quả đạt được:

- Nhân lực số giữ vai trò quan trọng trong quá trình triển khai chuyển đổi số tại địa phương. UBND xã đã quan tâm nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, công chức thông qua việc cử tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng về chuyển đổi số, an toàn thông tin, kỹ năng sử dụng phần mềm quản lý, hệ thống dùng chung và dịch vụ công trực tuyến theo kế hoạch của cấp trên.

- Đến nay, 100% cán bộ, công chức xã sử dụng máy tính, Internet và chữ ký số trong thực hiện nhiệm vụ; từng bước hình thành thói quen xử lý công việc trên môi trường điện tử. Tổ Công nghệ số cộng đồng cấp xã và tại các thôn được duy trì hoạt động, tham gia hỗ trợ, hướng dẫn người dân tiếp cận và sử dụng các nền tảng số thiết yếu, góp phần lan tỏa kỹ năng số trong cộng đồng dân cư.

b) Tồn tại, hạn chế:

Đội ngũ cán bộ tham gia công tác chuyển đổi số chủ yếu là kiêm nhiệm, chưa có nhân lực chuyên trách về công nghệ thông tin; việc bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số phần lớn thông qua các lớp tập huấn ngắn hạn theo chương trình của cấp trên nên mức độ chuyên sâu còn hạn chế.

5. Dữ liệu số

a) Kết quả đạt được:

- Triển khai thực hiện kết nối chính Cổng dịch vụ công; hệ thống một cửa điện tử tỉnh Quảng Ngãi với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và hệ thống Đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến của Bộ Nội vụ, việc kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Triển khai việc khám chữa bệnh sử dụng thẻ căn cước gắn chip để thay thế thẻ BHYT, Thực hiện chi trả chính sách an sinh xã hội không dùng tiền mặt cho đối tượng người có công với cách mạng và đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn, chuẩn hóa, làm sạch và cập nhật thông tin dữ liệu trẻ em, thực hiện rà soát và làm sạch cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; dữ liệu về đất đai; cập nhật, số hóa thông tin của hồ sơ cán bộ, công chức và đồng bộ với CSDL quốc gia (đạt tỷ lệ 100%).

b) Tồn tại, hạn chế:

Cơ sở dữ liệu số ở một số lĩnh vực chưa đầy đủ, còn phân tán, thiếu tính liên thông; Chưa có cán bộ chuyên trách phụ trách công tác quản lý, phân tích và khai thác dữ liệu số.

6. An toàn thông tin**a) Kết quả đạt được:**

- UBND xã đã quán triệt, triển khai các văn bản chỉ đạo của tỉnh về bảo đảm an toàn, an ninh mạng trong hoạt động của cơ quan nhà nước; thực hiện nghiêm các quy định về sử dụng thư điện tử công vụ, quản lý tài khoản truy cập, mật khẩu và chứng thư số.

- Tất cả cán bộ, công chức xã được hướng dẫn sử dụng phần mềm quản lý văn bản, ký số, gửi nhận văn bản điện tử qua hệ thống bảo mật; thường xuyên cập nhật phần mềm diệt virus, sao lưu dữ liệu định kỳ nhằm phòng ngừa rủi ro mất mát thông tin.

- Tổ Công nghệ số cộng đồng phối hợp tuyên truyền, hướng dẫn người dân nhận diện các hành vi lừa đảo trực tuyến, sử dụng mật khẩu mạnh và bảo vệ thông tin cá nhân khi tham gia các nền tảng số.

b) Tồn tại, hạn chế:

Chưa có hệ thống giám sát, cảnh báo sớm các rủi ro an ninh mạng; công tác sao lưu, phục hồi dữ liệu còn thủ công, phụ thuộc vào ý thức cá nhân của cán bộ, công chức.

7. Kinh tế số và xã hội số**a) Kết quả đạt được:**

- Triển khai hình thức thanh toán không dùng tiền mặt thông qua thiết bị di động: thanh toán các dịch vụ công ích (điện, nước...) trên địa bàn xã. Các cơ sở, Hợp

tác xã trên địa bàn đã ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, sản xuất và kinh doanh.

- Phòng Văn hóa – Xã hội đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị, các doanh nghiệp viễn thông, tuyên truyền tới người dân các nền tảng số như C-Quảng Ngãi, G-Quảng Ngãi, VNEID, sổ tay Đảng viên...; 14/14 Tổ công nghệ số cộng đồng tại các thôn bước đầu đi vào hoạt động, tuyên truyền, hướng dẫn người dân tích hợp sổ sức khỏe điện tử vào VneID; Tuyên truyền, hướng dẫn người dân mở tài khoản thanh toán điện tử và thanh toán trực tuyến như: Viettel money, VNPT money, Momo, Agribank...; Triển khai tới người dân tham gia các lớp “Bình dân học vụ số” tại nền tảng bình dân học vụ số quốc gia: <https://binhdanhocvuso.gov.vn/>, của tỉnh Quảng Ngãi tại địa chỉ: <https://binhdanhocvuso.quangngai.gov.vn/> (kết quả: 100% CBCCVC tham gia và được cấp chứng nhận).

b) Tồn tại, hạn chế:

Hoạt động kinh tế số trên địa bàn xã còn ở quy mô nhỏ, chủ yếu mang tính tự phát; tỷ lệ hộ kinh doanh, hợp tác xã ứng dụng thương mại điện tử còn thấp.

8. Công tác tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số

8.1. Ngày Chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

UBND xã tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia 10/10, trong đó nổi bật là lớp tập huấn “Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong thực thi nhiệm vụ” dành cho cán bộ, công chức, viên chức tham gia và được cấp chứng chỉ hoàn thành khóa học. Thông qua hoạt động này, đội ngũ cán bộ, công chức xã được trang bị thêm kiến thức, kỹ năng sử dụng các công cụ số và trí tuệ nhân tạo (AI) trong xử lý công việc, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành và phục vụ người dân.

b) Tồn tại, hạn chế:

Quy mô hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số còn hạn chế, mới tập trung chủ yếu vào đối tượng cán bộ, công chức; chưa có nhiều hoạt động tương tác trực tiếp với người dân, doanh nghiệp hoặc học sinh để lan tỏa rộng rãi hơn.

8.2. Công tác truyền thông về chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được

- Đẩy mạnh tuyên truyền về chuyển đổi số thông qua hệ thống loa phát thanh, các buổi sinh hoạt chi bộ, họp thôn, hội nghị của các đoàn thể, giúp người dân hiểu rõ hơn lợi ích của việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến, định danh điện tử và thanh toán không dùng tiền mặt.

- Tổ Công nghệ số cộng đồng tích cực phối hợp tuyên truyền, hướng dẫn người dân cài đặt, sử dụng các ứng dụng số của tỉnh như C-Quảng Ngãi, Cổng dịch

vụ công, góp phần đưa chuyển đổi số đến gần hơn với người dân. Thường xuyên đăng tải tin, bài, hình ảnh tuyên truyền về chuyển đổi số trên trang thông tin điện tử xã tạo sự lan tỏa tích cực.

b) Tồn tại, hạn chế:

Công tác truyền thông về chuyển đổi số ở một số thời điểm chưa thật sự đa dạng về hình thức; nội dung tuyên truyền chưa phong phú, chủ yếu lồng ghép trong các cuộc họp, sinh hoạt định kỳ nên mức độ lan tỏa chưa đồng đều, nhất là tại một số thôn vùng sâu.



Phụ lục 2

MỤC TIÊU CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2026

(Kèm theo Kế hoạch số 48 /KH-UBND ngày 11 /3/2026 của UBND xã Ba Vì)

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu năm 2026	Cơ quan chủ trì/Đánh giá
I	Chính quyền số		
1	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến toàn trình, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần	80%	Trung tâm Phục vụ hành chính công xã
2	Tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính được công bố	100%	Trung tâm Phục vụ hành chính công xã
3	Tỷ lệ thủ tục hành chính đủ điều kiện thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình theo danh mục của tỉnh	100%	Trung tâm Phục vụ hành chính công xã
4	Tỷ lệ hồ sơ DVCTT tại xã có sử dụng định danh điện tử VNeID khi thực hiện TTHC	100%	Trung tâm Phục vụ hành chính công xã
5	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đủ điều kiện	100%	Trung tâm Phục vụ hành chính công xã
6	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến	95%	Trung tâm Phục vụ hành chính công xã
7	Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc	100%	VP HĐND&UBND xã
8	Tỷ lệ chế độ báo cáo thuộc thẩm quyền UBND xã được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo	100%	VP HĐND&UBND xã
9	Tỷ lệ nhiệm vụ UBND tỉnh giao được cập nhật, đánh giá trên môi trường điện tử	100%	VP HĐND&UBND xã
II	Hạ tầng và dữ liệu số		
1	Phối hợp các doanh nghiệp viễn thông trong việc khảo sát, đề xuất mở rộng vùng phủ sóng 4G/5G trên địa bàn	Hoàn thành	Phòng VHXXH
2	Đảm bảo hệ thống mạng nội bộ LAN tại cơ quan, đơn vị hoạt động thông suốt và an toàn thông tin	Hoàn thành	Các cơ quan, đơn vị; Phòng VHXXH
3	Duy trì kết nối, khai thác hiệu quả Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ hoạt động của cơ quan xã	Hoàn thành	Văn phòng HĐND&UBND

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu năm 2026	Cơ quan chủ trì/Đánh giá
4	Khai thác, vận hành hiệu quả hệ thống truyền thanh ứng dụng CNTT do cấp trên đầu tư	Hoàn thành	TT CUDVC; Phòng VHXXH
5	Thực hiện cập nhật, làm sạch và khai thác hiệu quả dữ liệu trên các cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo phân cấp	Hoàn thành	Các cơ quan, đơn vị;
III	Kinh tế số và Xã hội số		
1	Tỷ lệ người dân trưởng thành có tài khoản định danh điện tử mức 2 (VNeID)	87%	Công an xã
2	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	53%	Phòng Kinh tế
3	Tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử	15%	Phòng VHXXH
4	Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử đảm bảo “đúng - đủ - sạch - thống nhất - dùng chung”	83%	Trạm Y tế; Phòng VHXXH
5	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục công lập trên toàn xã triển khai thanh toán học phí không dùng tiền mặt	100%	Các trường học trực thuộc;
IV	An toàn thông tin		
1	Tỷ lệ hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý của xã thực hiện xác định cấp độ và triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo quy định	100%	VP HĐND&UBND; Công an xã
2	Phối hợp triển khai các biện pháp bảo đảm sẵn sàng ứng phó, xử lý sự cố an toàn thông tin; kịp thời báo cáo, phối hợp với cơ quan chuyên môn cấp trên khôi phục hoạt động các hệ thống thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp khi gặp sự cố, phấn đấu đưa hoạt động trở lại bình thường trong vòng 24 giờ hoặc theo yêu cầu nghiệp vụ.	100%	VP HĐND&UBND; Công an xã
3	Đảm bảo người dân được tiếp cận thông tin cảnh báo an toàn thông tin	100%	Công an xã; VP HĐND&UBND
V	Nguồn nhân lực		
1	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản, AI	100%	Phòng VHXXH
2	Tỷ lệ Tổ công nghệ số cộng đồng hoạt động hiệu quả, duy trì hoạt động thường xuyên	100%	Phòng VHXXH
3	Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông có kế hoạch và triển khai hoạt động phổ cập kỹ năng số cho học sinh	100%	Các trường học trực thuộc;

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu năm 2026	Cơ quan chủ trì/Đánh giá
4	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi trưởng thành được tiếp cận, tập huấn, tuyên truyền về kỹ năng số cơ bản	100%	Phòng VHXXH
5	Phối hợp tuyên truyền, khuyến khích người lao động trong doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tiếp cận, nâng cao kỹ năng số cơ bản	100%	Phòng Kinh tế